TẾ BÀO GỐC - STEM CELL

ĐẶC TÍNH
- * Tự làm mới: NP nhiều lần mà ko bị biệt hoá
- Tiềm năng không giới hạn: có thể biệt hoá → nhiều loại TB
- Chưa { chuyên biệt / trưởng thành } về { cấu trúc / chức năng }

ỨNG DỤNG
- Ghép TBG: đưa TBG vào vị trí tổn thương
- IPS (TBG nhân tạo): (gần giống TBG phôi)
- ĐTrị: mầm, tuỷ xương, ung thư, miễn dịch, mất; ĐTĐ.

2 ĐK cần đạt LP TBG
- cc TB đang thiếu
- cc TB có thể đẻ ra TB đang thiếu

PHÂN LOẠI

Theo mức độ biệt hoá
- Toàn năng (totipotent): => tất cả các loại TB; Hợp tử (VO)
- Vạn năng (pluripotent): => 1 trong 3 lá thai (all TB của); TBG phôi
- Đa năng (multipotent): ĐK nhất định; nhiều loại TB nhất định; TBG tạo máu; TBG TK
- Đơn năng (monopotent progenitor): 1 loại TB (biệt hoá); TB định hướng lympho; TB đh bạch cầu

Theo nguồn gốc phân lập
- TBG phôi (embryonic)
- Nhũ nhi (infant)
- Trưởng thành (adult)
- Vạn năng cảm ứng (IPS): induced pluripotent
- Ung thư (cancer)

LIVEWORKSHEETS